

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346 /2024/DS - PT

Ngày: 31-7-2024.

V/v Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ.

Ông Trần Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2024/TLPT - DS ngày 21 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256 /2024/QĐ- PT ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Kim C, sinh năm 1983; cư trú tại: Số I T, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Gia T, sinh năm 1983; cư trú tại: Số B, đường T, Khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Lê Gia T: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; cư trú tại: Số B, đường T, khu phố C, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Anh Lê Gia T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị Kim C trình bày:

Chị C có mối quan hệ quen biết với anh Lê Gia T. Vào năm 2022, chị C có mua bán bất động sản chung với anh T 02 lần và có mượn tiền qua lại để làm ăn nhưng đã thanh toán xong. Đến ngày 07-6-2023, anh T có mượn chị C số tiền 300.000.000 đồng, cùng ngày 07-6-2023, chị C sử dụng tài khoản

số 78787818 của chị tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á chi nhánh T2 chuyển khoản cho anh T số tiền trên qua tài khoản số 6932247 của anh T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á chi nhánh T2, nội dung chuyển khoản “*LUONG THI KIM CUC A THANH*”. Hai bên không có viết giấy nợ. Khi vay, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn cho vay là 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất; anh T không có thế chấp, cầm cố tài sản hay đưa giấy tờ gì cho chị C để làm tin. Từ ngày vay đến nay, anh T chưa trả cho chị C khoản tiền nào.

Đối với việc anh T xác định anh T không có vay tiền của chị C, số tiền 300.000.000 đồng mà chị chuyển cho anh T là tiền chị chuyển trả chênh lệch cho anh T trong quá trình hai bên làm ăn buôn bán chung với nhau thì chị C không đồng ý vì năm 2022 chị C có làm ăn chung với anh T nhưng đã giải quyết xong, chị C không có nợ anh T khoản tiền nào.

Nay chị C yêu cầu anh T trả số tiền vay là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, chị C không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Gia T trình bày:

Anh T có mối quan hệ quen biết, làm ăn chung với chị C trong lĩnh vực mua bán bất động sản từ đầu năm 2022 đến ngày 15-8-2023 thì ngưng nhưng hai bên không có hợp đồng hoặc giấy tờ thể hiện việc làm ăn chung với nhau, chỉ thỏa thuận miệng và trao đổi với nhau qua điện thoại.

Anh T xác định, vào ngày 07-6-2023, anh T có nhận được số tiền 300.000.000 đồng nêu trên do chị C chuyển khoản cho anh T nhưng đây là tiền chênh lệch chị C chuyển trả cho anh T trong quá trình làm ăn buôn bán chung, không phải tiền anh T vay của chị C.

Ngày 10-8-2023, anh T đi sao kê ngân hàng và tổng kết lại thì chị C còn nợ anh T số tiền tạm tính đến hết ngày 07-6-2023 là 4.973.899.991 đồng (trong đó, anh T đã khấu trừ số tiền 300.000.000 đồng chị C chuyển khoản cho anh T vào ngày 07-6-2023); chứng cứ chứng minh chị C còn nợ anh T là bảng kê (do anh T tự liệt kê) và bản sao kê kèm theo thể hiện tổng số tiền chị C đã chuyển khoản cho anh T từ ngày 01-01-2022 đến ngày 07-6-2023 là 7.041.899.995 đồng và tổng số tiền anh T chuyển khoản cho chị C từ ngày 01-01-2022 đến ngày 15-5-2023 là 12.015.799.986 đồng, như vậy chị C còn nợ anh T số tiền 4.973.899.991 đồng.

Nay anh T không đồng ý trả lại cho chị C số tiền 300.000.000 đồng nêu trên vì anh T không có vay tiền của chị C. Ngoài ra, anh T không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Kim C đối với anh Lê Gia T về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Buộc anh Lê Gia T trả cho chị Lương Thị Kim C số tiền 300.000.000 đồng, ghi nhận chị C không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền

nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 15-3-2024, bị đơn anh Lê Gia T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Lương Thị Kim C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Lê Gia T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của anh T.

- Chị Lương Thị Kim C là nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Gia T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh Lê Gia T là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Lương Thị Kim C khởi kiện đòi lại số tiền đã chuyển khoản cho bị đơn anh Lê Gia T nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị C khởi kiện yêu cầu anh Lê Gia T trả số tiền là 300.000.000 đồng mà chị C đã chuyển khoản cho anh T mượn vào ngày 07-6-2023, nhưng anh T không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị C.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của anh Lê Gia T thấy rằng:*

[3.1] Anh T thừa nhận vào ngày 07-6-2023 anh T có nhận số tiền 300.000.000 đồng do chị Lương Thị Kim C chuyển vào tài khoản số 6932247 của anh T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á chi nhánh tỉnh T2 (Bút lục số 02, 117, 118).

Anh T xác định số tiền 300.000.000 đồng mà anh T đã nhận của chị C là tiền chênh lệch chị C chuyển trả cho anh T trong quá trình làm ăn chung với nhau nhưng chị C không thừa nhận, anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Qua đối chiếu với các bảng sao kê tài khoản mà các bên

cung cấp thể hiện: Ngày 07-6-2023 chị C có chuyển cho anh T số tiền là 300.000.000 đồng nhưng từ sau ngày 07-6-2023 anh T không chuyển trả cho chị C số tiền nào nên chị C khởi kiện yêu cầu anh T trả lại số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm xét xử buộc anh Lê Gia T có nghĩa vụ trả lại cho chị Lương Thị Kim C số tiền 300.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Đối với việc anh T xác định chị C còn nợ anh T số tiền 4.973.899.991 đồng (đã khấu trừ số tiền 300.000.000 đồng chị C chuyển khoản cho anh T vào ngày 07-6-2023): Số nợ này chị C không thừa nhận, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm anh T không có yêu cầu phản tố đòi lại số tiền trên. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết đối với yêu cầu khấu trừ nợ của anh T.

Anh Lê Gia T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Gia T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của anh T không được Tòa án chấp nhận nên anh T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Gia T

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Tòa nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Kim C đối với anh Lê Gia T về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Buộc anh Lê Gia T có nghĩa vụ trả cho chị Lương Thị Kim C số tiền 300.000.000 (ba trăm nghìn) đồng, ghi nhận chị C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Gia T chịu 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Chị Lương Thị Kim C không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002598 ngày 11-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Gia T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002507 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc Giàu